

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Số: 34/2018/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đ, ngày 19 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2018/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G

Bị đơn: Chị Trần Thị Minh A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **12 tháng 3 năm 2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **12 tháng 3 năm 2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Hữu L và chị Trần Thị Minh A

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Nguyễn Hữu L với chị Trần Thị Minh A có 01 con chung là: Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 15-4-2014; Anh L cùng chị A thỏa thuận. Giao con Nguyễn Trần Minh T, sinh ngày 15-4-2014 cho anh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng

mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh L và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Nguyễn Hữu L tự nguyện chịu toàn bộ án phí; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002525 ngày 02-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh Nguyễn Hữu L được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Sỹ